

Nhon Trạch, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân có đất bị thu hồi và ảnh hưởng hành lang đường điện thuộc dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch.

Hôm nay, vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

Tại: UBND phường Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm có:

1. Ông: Đào Minh Tâm Chức vụ: PCT. UBND phường Nhơn Trạch.
2. Ông: Nguyễn Huy Sang Chức vụ: Phó CT UBMTTQ phường Nhơn Trạch.
3. Ông: Trần Đỗ Nhật Trường Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế
4. Ông: Lưu Văn Toàn Chức vụ: Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh – Chi nhánh Nhơn Trạch.
5. Ông: *Mai Văn Hưng* Chức vụ: *Trưởng khu phố Phú Mỹ*
6. Ông: Chức vụ:

Nội dung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng,





nhiệm vụ quyền hạn, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện dự án đường dây 220KV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Trạm biến áp 500KV Long Thành;

Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh - Chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp cùng các Ban ngành, đoàn thể và UBND phường tiến hành niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân thuộc dự án trên bảng thông tin của UBND phường Nhơn Trạch và bảng thông tin sinh hoạt chung tại Nhà văn hóa ấp với sự chứng kiến của Ban ngành đoàn thể, UBND phường và ban ấp nơi có đất thu hồi.

Đồng thời, UBND phường đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp phường trong thời gian 10 ngày theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

(Đính kèm phương án bồi thường và các biểu mẫu).

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút, cùng ngày đã thông qua cho các thành viên nêu trên nghe, biên bản được lập thành 04 bản.

TM. UBMTTQ VN PHƯỜNG

**TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH**

Nguyễn Huy Sang

Minh Văn Tâm

PHÒNG KINH TẾ PHƯỜNG NHƠN TRẠCH

BAN ÁP

Trần Văn Thành

Mai Văn Hùng

UBND PHƯỜNG NHƠN TRẠCH



Đào Minh Tâm



Handwritten text in the center of the page, which is faint and difficult to decipher. It appears to be a name or a short phrase.



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

V/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhon Trạch 3 – Trạm biến áp 500kV Long Thành tại xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai do Ban quản lý các dự án công trình điện Miền Nam làm chủ đầu tư (Đợt 7).

(Phương án niêm yết lấy ý kiến)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 của Quốc hội ngày 30/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

Căn cứ Nghị Quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất các dự án điện năm 2025 trên địa bàn huyện Nhon Trạch.

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-EVNNPT ngày 19/5/2019 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220kV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm biến áp 500kV Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 6754/SPMB-PDB ngày 01/8/2025 của Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam về việc hỗ trợ cung cấp thông tin các đường dây hiện hữu có liên quan đến 3 dự án điện SPMB quản lý đang triển khai xây dựng; đề nghị TTPTQĐ chi nhánh Nhơn Trạch áp giá, lập PABT.

Căn cứ vào Biên bản ngày 03/11/2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án đường dây 220kV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm biến áp 500kV Long Thành.

Căn cứ Văn bản số 5996/SoNNMT-ĐĐ ngày 09/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng các dự án công trình điện trên địa bàn xã Nhơn Trạch, xã Phước An, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông báo số 226/TB-UBND ngày 11/10/2025 của UBND xã Đại Phước về việc thống nhất nội dung xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với các dự án, công trình điện trên địa bàn xã Đại Phước, xã Phước An, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Biên bản ngày 20/11/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về việc tổ chức họp dân lấy ý kiến về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đối thoại để thực hiện dự án Dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Trạm biến áp 500kV Long Thành tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 5637/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với đất do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang an toàn lưới điện cao áp trên không dự án xây dựng Trạm biến áp 110kV Nhơn Trạch và các trụ điện của đường dây 110kV Long Thành – Nhơn Trạch tại các xã Phú Thạnh, Long Tân, Phú Hội, Phước Thiện, Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng Trụ điện đường dây 110kV Long Thành – Nhơn Trạch do Công ty TNHH một thành viên Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư tại các xã Phú Thạnh, Long Tân, Phú Hội, xã Phước Thiện và Hiệp Phước.

Căn cứ Biên bản ngày 20/11/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhon Trạch về việc tổ chức họp dân lấy ý kiến về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đối thoại để thực hiện dự án Dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhon Trạch 3 – Trạm biến áp 500kV Long Thành tại xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Biên bản ngày 19/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhon Trạch về việc tổ chức họp dân lấy ý kiến về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đối thoại để thực hiện Dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhon Trạch 3 – Trạm biến áp 500kV Long Thành tại xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhon Trạch lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7) như sau:

II. TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ.

1/ Tổng quan Dự án:

Tổng diện tích toàn tuyến qua 03 xã Đại Phước, Phước An, Nhon Trạch: 554.093,2 m² (Trong đó: diện tích thu hồi: 27.800 m², diện tích ảnh hưởng hành lang là 526.293,2 m²). Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 563 hộ gia đình, tổ chức bị thu hồi đất và ảnh hưởng hành lang lưới điện.

* **Đoạn qua xã Nhon Trạch:** Tổng diện tích: 270.909,1 m² (Trong đó diện tích thu hồi: 8.656,0 m², diện tích ảnh hưởng hành lang: 262.253,1 m²). Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 307 trường hợp (trong đó: 305 trường hợp có đất bị thu hồi và ảnh hưởng hành lang; 02 đất tổ chức)

2/ Diện tích, số hộ trong phương án (Đợt 7):

Tổng diện tích thu hồi móng trụ và ảnh hưởng hành lang là 15.567,7m² (trong đó: thu hồi móng trụ là: 417,7m² và diện tích bị ảnh hưởng hành lang đường điện là: 14.844,4m²).

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 417,7m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 417,7m², trong đó:
- + Đất trồng cây lâu năm: 119,2m²
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 132,2m²
- + Đất trồng lúa: 166,3m²

b. Tổng diện tích đất ảnh hưởng hành lang: 151.500,0m² gồm:

- Đất nông nghiệp: 14.844,4m²; trong đó:
- + Đất trồng cây lâu năm: 11.105,5m²
- + Đất trồng cây hàng năm: 29m²
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 507,7m²
- + Đất trồng lúa: 2.769,6m²
- + Đất rừng sản xuất: 432,6m²

- Đất phi nông nghiệp: 305,6m²

+ Đất ở nông thôn: 305,6m²

Tổng số 29 trường hợp: Trong đó 05 trường hợp có đất bị thu hồi móng trụ và ảnh hưởng hành lang đường điện và 24 trường hợp ảnh hưởng hành lang đường điện.

III. CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện dự án đường dây 220KV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Trạm biến áp 500KV Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về điều chỉnh, bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020 – 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh đồng nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 6754/SPMB-PDB ngày 01/8/2025 của Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam về việc hỗ trợ cung cấp thông tin các đường dây hiện hữu có liên quan đến 3 dự án điện SPMB quản lý đang triển khai xây dựng; đề nghị TTPTQĐ chi nhánh Nhơn Trạch áp giá, lập PABT.

Căn cứ Văn bản số 5996/SoNNMT-ĐĐ ngày 09/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng các dự án công trình điện trên địa bàn xã Nhơn Trạch, xã Phước An, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 5637/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với đất do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang an toàn lưới điện cao áp trên không dự án xây dựng Trạm biến áp 110kV Nhơn Trạch và các trụ điện của đường dây 110kV Long Thành – Nhơn Trạch tại các xã Phú Thạnh, Long Tân, Phú Hội, Phước Thiện, Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng Trụ điện đường dây 110kV Long Thành – Nhơn Trạch do Công ty TNHH một thành viên Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư tại các xã Phú Thạnh, Long Tân, Phú Hội, xã Phước Thiện và Hiệp Phước.

Căn cứ Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Báo cáo số 373/BC-PKT ngày 17/3/2026 của Phòng Kinh tế xã Nhơn Trạch về việc tham mưu giá đất để tính tiền bồi thường về đất liên quan đến bảng giá đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn xã.

Căn cứ Văn bản số 1836/UBND-VP ngày 31/3/2026 của UBND xã Nhơn Trạch về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất.

2/ Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng:

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối với các chính sách hỗ trợ, hiện nay chưa đủ cơ sở pháp lý. Trung tâm Phát triển quỹ đất sẽ lập trình phương án và bổ sung sau khi UBND cấp xã xác nhận đầy đủ thông tin mẫu biểu.

5/ Phương án bố trí tái định cư:

- Căn cứ Điều 111 Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024.

- Kết quả xét tái định cư: Tổng số hộ trong phương án 29 trường hợp. Trong đó 29 trường hợp trường hợp không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Thông báo



kết luận số 301/TB-HĐBT ngày 13/06/2025 và số 01/TB-HĐBT ngày 30/10/2025
(Kèm theo danh sách).

6/ Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất thu hồi:

Dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Trạm biến áp 500kv Long Thành tại xã Nhơn Trạch không có trường hợp phải di dời mồ mã.

7/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

Dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Trạm biến áp 500kv Long Thành tại xã Nhơn Trạch không có hộ phải di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

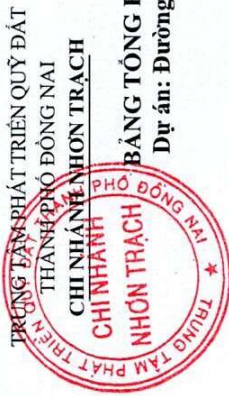
IV/ GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

a. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	8.778.878.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
- Bồi thường đất:	8.122.119.000 đồng
- Bồi thường Nhà, Vật kiến trúc:	558.632.000 đồng
- Bồi thường về cây trồng:	25.884.000 đồng
- Bồi thường về vật nuôi:	243.000 đồng
- Hỗ trợ các chế độ chính sách:	0 đồng
- Thương di dời:	72.000.000 đồng
b. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (a) x 3,5%), trong đó:	307.261.000 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TTPTQĐ (b) x 85%):	261.172.000 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã (b) x 15%):	46.089.000 đồng
c. Tổng giá trị bồi thường (a) + (b):	9.086.139.000 đồng

(Bằng chữ: Chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

(Đính kèm mẫu biểu 6, 7, 8, 9 và danh sách tái định cư)

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án Đường dây 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Trạm biến áp 500kv Long Thành tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam làm chủ đầu tư (đợt 7)./-



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án: Đường dây 220 KV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm Biến áp 500 KV Long Thành

Địa chỉ: xã Nhơn Trạch, xã Đại Phước và xã Phước An

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)					Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng và vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nuôi trồng thủy sản (đ)	Hỗ trợ di dời	Tổng cộng
			DT đất nông nghiệp		DT đất chưa sử dụng	DT đất nông nghiệp							
			Tổng số	Đất ở		Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng thủy sản						
1	096 Trương Thị Nhỏ	ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (xã Phú Hội cũ), NT, ĐN					2.769,6	614.460.000	720.000			615.180.000	
2	132 Nguyễn Văn Sĩ - Nguyễn Thị Hoa	Chưa xác định					1.160,1	814.669.000	3.569.000			818.238.000	
3	156 Lê Viết Chí	Thôn Giao Thành, xã Thiệu Giao, H Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa					2,1	2.735.000				2.735.000	
4	178 Nguyễn Hồng Ren	Khu phố Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch (TT Hiệp Phước cũ), tỉnh Đồng Nai					1.178,1	827.309.000				827.309.000	
5	201 Chưa xác định chủ sử dụng (21/118)	Chưa xác định					549,5	387.727.000	2.403.000			390.130.000	
6	205 Lê Kim Sa	ấp Phú Mỹ 1, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai					114,7	80.850.000				80.850.000	
7	213 Trần Hoàng Anh Kiệt - Võ Thị Kim Ngân	ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai					346,9	27.281.000	123.000			27.404.000	
8	217 Nguyễn Hữu Nghị	ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai					300	390.720.000	1.323.000			392.043.000	
9	362 Lê Thanh Tùng	ấp Phú Mỹ II, xã Nhơn Trạch (Phú					236					0	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Hỗ trợ các loại	Thương đi đời	Tổng cộng					
			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp					DT đất chưa sử dụng	Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nuôi trồng thủy sản (đ)		
			Tổng số	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa											
		Hội cũ), tỉnh Đồng Nai																		
10	411 Nguyễn Thị Kim Hương	ấp Phú Mỹ II, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	46,6		46,6	46,6						221,6	109.989.000						12.000.000	121.989.000
11	414 Võ Thị Thu Lan	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										408,5	49.173.000			2.897.000				52.070.000
12	459 Hồ Kim Anh	ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										2.387,5	1.676.598.000	49.959.000						1.726.557.000
13	483 Võ Văn Rong	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										1.310,8	257.383.000							257.383.000
14	484 Nguyễn Thị Gái (TS trên đất Võ Văn Rong)	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai												420.000						420.000
15	488 Đinh Văn Su	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										216,9	428.126.000	74.635.000						502.761.000
16	489 Đặng Văn Tâm	ấp Phước Kiển, xã Nhơn Trạch (Hiệp Phước cũ), tỉnh Đồng Nai										6,7	4.513.000		293.000					4.806.000
17	490 Nguyễn Văn Sang	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										174,8	150.498.000							150.498.000
18	493 Phạm Minh Mạnh - Nguyễn Thị Tót	ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										283,5	191.056.000	20.010.000						211.066.000
19	494 Nguyễn Văn Hào	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										7,9	13.987.000	4.394.000						18.381.000
20	495 Võ Văn Chuân (chết) - Chưạ xác định người thừa kế	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai										568,3	122.948.000	6.089.000						129.037.000

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng số	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng và vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nuôi trồng thủy sản (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường đi đời	Tổng cộng
				DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp					DT đất chưa sử dụng								
				Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	DT đất chưa sử dụng	DT đất chưa sử dụng	DT đất chưa sử dụng						
21	Huỳnh Thanh Hải	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai																	197.316.000
22	Trần Tấn Lộc (chết) - Phạm Thị Kim Đào	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai																	490.950.000
23	519 Đặng Thị Vân	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	132,2			132,2													739.257.000
24	520 Nguyễn Thị Diễm Trinh	Khu nhà ở Hoàn Hảo, Thanh Đức, Long Hồ, Vĩnh Long	166,3			166,3													237.979.000
25	541 Nguyễn Thị Hải	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch	54,9			54,9													88.750.000
26	542 Lê Phước Thành (TS/ĐD Nguyễn Thị Hải 08/90)	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai																	22.879.000
27	543 Lê Phước Thành	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	17,7			17,7													302.730.000
28	544 Lê Thanh Phong	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai																	301.435.000
29	546 Nguyễn Văn Tuyền	Tổ 6, ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai																	68.725.000
Tổng			417,7	0	0	417,7	119,2	132,2	166,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8.778.878.000
Tổng cộng (1+2):																			307.261.000

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:

2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Trong đó:

- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TPTQĐ (3.5%) (85%)

- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TPTQĐ (3.5%) (15%)

Tổng cộng (1+2):

Bảng chữ: Chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, một trăm ba mươi chín ngàn đồng





BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT
Dự án: Đường dây 220 KV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm Biến áp 500 KV Long Thành
Địa chỉ: xã Nhơn Trạch, xã Đại Phước và xã Phước An

Đảm bảo theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)				Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý	Ghi chú
					Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Tổng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất phi nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm		Đất trồng cây lâu năm	Đất rừng sản xuất		
1	Trương Thị Nhỏ	ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (xã Phú Hội cũ), NT, ĐN	53	155	8.254,7	0	0	0	0	1.904,7	0	0	0	1.904,7	877.800	0	614.460.000	Được VPDK đất đai tỉnh Đồng Nai cấp số BE 162054 ngày 27/04/2011			
2	Nguyễn Văn Sự - Nguyễn Thị Hoa	Chưa xác định	46	311	2.000	0	0	0	0	1.160,1	0	0	1.160,1	877.800	0	814.669.000	Được VPDK đất đai tỉnh Đồng Nai cấp số BE 162054 ngày 04/08/2011				

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý	Chi chủ
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp				Hồ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hồ trợ về đất		
3	Lê Viết Chi	Thôn Giao Thành, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	33	740	1.960	0			2,1	2,1				Phù Hộ) - Đường nhóm I			Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DM 786098, cấp ngày 11/12/2023	
4	Nguyễn Hồng Ren	Khu phố Phước Mỹ, xã Trach Nhon	42	427	2.646	0			1.178,1	1.178,1			VT4: Đường Tôn Đức Thắng (xã Phú Hộ) - Đường nhóm I	877.800	827.309.000	Được UBND huyện Nhon Trach cấp giấy CNQSD đất số DA 756972, cấp ngày 23/11/2022		
5	Chưa xác định chủ sử	Chưa xác định	21	118	2.940	0			549,5	549,5			VT4: Đường Lý Thái Tổ (xã	882.000	387.727.000	Chưa xác định		

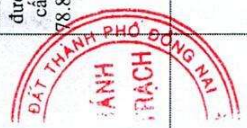
Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ và thửa trụ	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)				Diện tích hỗ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
						Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất nông nghiệp chưa sử dụng	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất nông nghiệp chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm						
6	Lê Kim Sa	ấp Phú Mỹ 1, xã Nhơn Trach (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	33	01	709	0				114,7	29					882.000	880.800	80.850.000	Được VPĐK đất đai tỉnh Đồng Nai cấp số DD 109416 ngày 08/04/2022				
7	Trần Hoàng Anh Vũ Thị Kim Ngân	Ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trach (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	21	251	1.196	0				346,9						842.000	27.281.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số AA 04170616, AA 04170617, cấp ngày 10/10/2025					
8	Nguyễn Hữu Nghị	ấp Xóm Hố, xã	38	68	2.191,6	0				300	300					1.628.000	390.720.000	Được VPĐK đất đai tỉnh Đồng Nai cấp					

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý	Ghi chú
					Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp			Bồi thường về đất	Hồ trợ về đất		
10	Thị Kim Hương	Ấp Phú Mỹ II, xã Nhon Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8	369	1.893	46,6	46,6	46,6	46,6	46,6	46,6	221,6	221,6	109.989.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 00850307 ngày 25/02/2025	
11	Thị Thu Lan	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhon Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	6	225	504	0	0	0	0	0	0	408,5	408,5	49.173.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số CM 171851 ngày 25/06/2019	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)						Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Chi chú		
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm							Đất trồng nuôi trồng thủy sản	Đất ở tại nông thôn		Tổng	Đất trồng cây lâu năm
19	Vô Văn Vân	Ấp Phú Nhuận xã Trach (Phù Hới), tỉnh Đông Nai	8 101	191	0																Được cấp giấy CNQSD đất số L 187003, cấp ngày 25/10/1997 (Thửa 356 tờ 03 cũ)			
			8 102	188	0																	Được cấp giấy CNQSD đất số L 187003, cấp ngày 25/10/1997 (Thửa 356 tờ 03 cũ)		
			8 103	186	0																	Được cấp giấy CNQSD đất số L 187003, cấp ngày 25/10/1997 (Thửa 356 tờ 03 cũ)		
			8 104	186	0																	Được cấp giấy CNQSD đất số L 187003, cấp ngày 25/10/1997 (Thửa 356 tờ 03 cũ)		

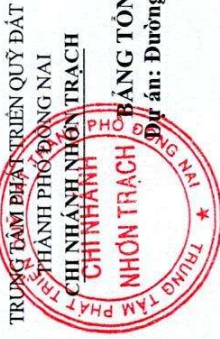
Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thửa trú	Số thửa	Số thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)				Diện tích hỗ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kính phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
					Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	DT đất Phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất trồng cây lâu năm						
20	496	Thị trấn Hải	8	105	413	0	0	333	333	1.176,8	1.176,8	1.176,8	0	0	0	0	1.169.600	190.230.000	Được cấp giấy CNQSD đất số L 187003, cấp ngày 25/10/1997 (Thửa 356 tờ 03 cũ)	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TD SDD, XD trạng SD, nhà ở, tình trạng tranh chấp)		
21	498	Trần Tân Lộc Mới, (chết) - xã Phạm Thị Kim Đào	33	266	400	0	0	253,5	253,5	1.176,8	1.176,8	1.176,8	0	0	0	842.400	429.557.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số CC 593250, cấp ngày 13/01/2016	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BD 462854, cấp ngày 17/6/2011			

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)				Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kính phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
						Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp				DT đất Nông nghiệp	Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp; nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	
25	Lê Phước Thành	Nhơn Trạch	08	89	334,2	0	17,7	17,7	17,7	17,7	17,7	17,7	17,7	181,6	181,6	143.748.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CN.QSDD số CV/998985, cấp ngày 14/07/2019. Sử dụng ổn định, không tranh chấp.	không được cấp 78,8m ²
26	Lê Thanh Phong	Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	08	165	170	0	17,7	17,7	17,7	17,7	17,7	17,7	17,7	181,6	181,6	165.309.000	Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CN.QSDD số CS/323805, cấp ngày 08/08/2019. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.	



Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)						Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Trình trạng pháp lý	Chi chủ									
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm			Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm			
27	Nguyễn Văn Tuyên	Tổ 6, ấp Phú Mỹ 2, Nhon Trach, tỉnh Đồng Nai	08	88	503,1	0	417,7	0	417,7	119,2	132,2	166,3	305,6	14,8	44,4	11,1	105,5	29	507,7	2,2	769,6	432,6	0	0	8.122.119.000	Đã được cấp giấy CN, QSDĐ số AG 829371, cấp ngày 23/07/2007. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.	Chưa cấp (NG, TD SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
Tổng cộng						65.175,1	417,7	0	417,7	119,2	132,2	166,3	305,6	14,8	44,4	11,1	105,5	29	507,7	2,2	769,6	432,6	0	0	8.122.119.000			

Bảng chữ Tam tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, một trăm mười chín ngàn đồng



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ NHÀ Ở - TÀI SẢN TRÊN ĐẤT
Địa chỉ: xã Nhôm Trạch, xã Đại Phước và xã Phước An

Số Mã TT	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%) BT HT	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	Lê Thanh Tùng	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	93,5		4.363.000	0	0			XD 2015 AHHL thuộc đd LT-NT 2011-2013
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	6,29		4.363.000	0	0			nt
		Mái che, mái hiện	m ²	12,6		720.000	0	0			nt
		Mái che, mái hiện	m ²	27,2		720.000	0	0			nt
		Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	10,4		1.854.000	0	0		Thửa đất số 167, tờ 8	nt
		Mái che, mái hiện	m ²	42,75		720.000	0	0			nt
		Tường xây cao dưới 1,6 m	mét dài	18,3		323.000	0	0			nt
		Trụ bê tông chêm rãnh hàng rào cao 1,2 đến 2,2 m	trụ	9		58.000	0	0			nt
		Hàng rào lưới B40	m ²	18,3		101.000	0	0			nt
		Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	59,35		1.854.000	0	0			nh
Tổng											
2	Hồ Kim Anh	Chuồng gà, vịt thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất	m ²	18		508.000	30	2.743.000			chuồng dưới
		Chuồng gà, vịt thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất	m ²	17,85		508.000	30	2.720.000	Thửa đất số 238, tờ 38		
		Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	80		1.854.000	30	44.496.000			
		Tổng							49.959.000		
3	Nguyễn Thị Gái (TS trên đất Võ Văn Rong)	Nhà bếp (chưa đánh cắp hàng)	m ²	9,69		0	30	0		Nhà, vật kiến trúc tạo lập năm 2000, sửa chữa lại năm 2020, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	AHHL, trên đất CLN
		Mái che, mái hiện	m ²	1,943		720.000	30	420.000	Thửa đất số , tờ		AHHL, trên đất CLN
		Tổng							420.000		
4	Đình Văn Su	Mái che, mái hiện	m ²	14,37		720.000	80	8.277.000			XD 2018 AHHL, trên thửa 142, xd trên đất ở
		Mái che, mái hiện	m ²	4,163		720.000	80	2.398.000	Thửa đất số 142 (03, tờ 8 và thửa đất số 144, tờ 8	Nhà ở, vật kiến trúc xây dựng năm 2018, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	xd trên đất ở
		Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	12,5		6.396.000	80	63.960.000			xd trên đất ở
		Tổng							74.635.000		
5	Phạm Minh Mạnh - Nguyễn Thị Tốt	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 4	Đồng/m ² sàn	21,84		3.054.000	30	20.010.000	Thửa đất số 264, tờ 33	Công trình, vật kiến trúc thành lập năm 2023, không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	XD 2008
		Tổng									

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%) BT HT	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản, Cơ sở bồi thường, hỗ trợ phạm hành chính	Ghi chú
6	494	Nguyễn Văn Hào	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	7,9		1.854.000	30	4.394.000	Thửa đất số 98, tờ 8	Vật kiến trúc tạo lập năm 2020, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	
		Tổng					576.000	30	302.000			
			Nhà tạm	Đồng/m ² sàn	1,75		576.000	30	302.000			
7	495	Võ Văn Chuân (chép) - Chưa xác định người thừa kế	Nhà tạm	Đồng/m ² sàn	35,25		576.000	0	0	Thửa đất số 101, tờ 8 và thửa đất số 102, tờ 8 và thửa đất số 104, tờ 8 và thửa đất số 105, tờ 8	Nhà ở, vật kiến trúc tạo lập năm 2010, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	XD 2010
		Tổng			26,79		720.000	30	5.787.000			HL 110kv
			Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	2,6		3.489.000	30	2.721.000			
			Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	81,6		3.489.000	0	0			
			Mái che, mái hiện	m ²	7,1		720.000	30	1.534.000			
			Mái che, mái hiện	m ²	5,3		720.000	0	0			
			Mái che, mái hiện	m ²	6,729		720.000	30	1.453.000			
			Mái che, mái hiện	m ²	0,56		720.000	0	0			
			Mái che, mái hiện	m ²	6,38		720.000	30	1.378.000			
			Mái che, mái hiện	m ²	42,6		720.000	0	0			
			Mái che, mái hiện	m ²	21		720.000	0	0			
			Nhà < C4H2	m ²	10,08		1.854.000	0	0			
		Tổng							7.086.000			
			Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	23,85		3.489.000	30	24.964.000			
9	498	Trần Tấn Lộc (chép) - Phạm Thị Kim Đào	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	28,86		3.489.000	30	30.208.000	Thửa đất số 266, tờ 33 và thửa đất số 267, tờ 33 và thửa đất số 268, tờ 33	Nhà, vật kiến trúc tạo lập năm 1997, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	
			Nhà tạm	Đồng/m ² sàn	36		576.000	30	6.221.000			
		Tổng							61.393.000			
			Nhà tạm	Đồng/m ² sàn	18		576.000	30	3.110.000	Thửa đất số 196, tờ 33	Chòi, VKT xây dựng 2007 xây dựng không phép	XD 2007
		Tổng			53		648.000	80	27.475.000	Thửa đất số 329, tờ 8		XD 2003
11	520	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Tường xây cao trên 2 m	mét dài	53		648.000	80	27.475.000			
		Tổng							3.110.000			
			Nhà tạm	Đồng/m ² sàn	2		576.000	30	346.000			
12	541	Nguyễn Thị Hải	Nhà tạm	Đồng/m ² sàn	10		576.000	30	1.728.000	Thửa đất số 90 (03, tờ 08	- Chòi, vật kiến trúc của bà Nguyễn Thị Hải xây dựng năm 2006, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính. - Chương heo, vật kiến trúc của ông Lê Phước Thành xây dựng năm 2006, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính.	AH
		Tổng							2.074.000			
13	542	Lê Phước Thành (TSTD Nguyễn Thị Hải 08/90)	Chương heo, chương bô, gá, vít - Xây gạch cao 1m, nền bê tông kiên cố, lớp ngói hoặc tole fibro cement	m ²	36,4		961.000	30	10.494.000	Thửa đất số 90, tờ 08	Chương heo, vật kiến trúc xây dựng năm 2006, xây dựng không phép, không xử phạt vì phạm hành chính	TH XD năm 2006
			Chương heo, chương bô, gá, vít - Xây gạch cao 1m, nền bê tông kiên cố, lớp ngói hoặc tole fibro cement	m ²	36,4		961.000	30	10.494.000			AH

Số Mã TT	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%) BT HT	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Di dời bồn nước: Bồn inox - Từ 1.000 lít - 2.000 lít	cái	1		518.000	30	155.000			
		Khung đỡ bồn nước cao trên 3 mét	cái	1		2.160.000	30	648.000			
		Mái che, mái hiên (giá thấp)	m ²	14		259.000	30	1.088.000			
	Tổng							22.879.000			
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	54		4.363.000	30	70.681.000			
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	19,2		4.363.000	30	25.131.000			
		Nhà bán kiến cổ	Đồng/m ² sàn	7,5		1.854.000	30	4.172.000			
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 4	Đồng/m ² sàn	24,08		3.054.000	30	22.062.000			
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 4	Đồng/m ² sàn	7		3.054.000	30	6.413.000			
		Mái che, mái hiên (giá cao)	m ²	8,97		720.000	30	1.938.000			
		Chuồng heo, chuồng bò, gà, vịt - Xây gạch cao 1m, nền bê tông kiên cố, lợp ngói hoặc tole fibro cement	m ²	35,28		961.000	30	10.171.000			
		Chuồng gà, vịt thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất	m ²	6		508.000	30	914.000			
		Đồng hồ điện chính	cái	1		1.500.000	100	1.500.000			
	Tổng							142.982.000			
15	Lê Thanh Phong	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	39		4.363.000	80	136.126.000	Thửa đất số 165, tờ 08	Nhà ở, vật kiến trúc xây dựng năm 2008, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính	
	Tổng							136.126.000			
16	Nguyễn Văn Tuyên	Nhà bán kiến cổ	Đồng/m ² sàn	50,4		1.854.000	0	0	Thửa đất số 88 (03, tờ 08	Nhà kho, vật kiến trúc xây dựng năm 1996, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính	Nhà kho năm 1996, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính
	Tổng							0			
	TỔNG GIÁ TRỊ							558.632.000			



Bảng chữ: Năm trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng





BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
Dự án: Đường dây 220 KV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm Biến áp 500 KV Long Thành

Địa chỉ: xã Nhơn Trạch, xã Đại Phước và xã Phước An

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm							
1	096 Trương Thị Nhỏ	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (xã Phú Hội cũ), NT, ĐN	0	0										
2	132 Nguyễn Văn Sự - Nguyễn Thị Hoa	Chưa xác định	0	0										
3	156 Lê Viết Chí	Thôn Giao Thành, xã Thiệu Giao, H Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0	0										
4	178 Nguyễn Hồng Ren	Khu phố Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch (TT Hiệp Phước cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
5	201 Chưa xác định chủ sở hữu (21/118)	Chưa xác định	0	0										
6	205 Lê Kim Sa	Ấp Phú Mỹ 1, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
7	213 Trần Hoàng Anh Kiệt - Võ Thị Kim Ngân	Ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
8	217 Nguyễn Hữu Nghị	Ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
9	362 Lê Thanh Tùng	Ấp Phú Mỹ II, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
10	411 Nguyễn Thị Kim Hương	Ấp Phú Mỹ II, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	3,08									12.000.000	12.000.000
11	414 Võ Thị Thu Lan	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
12	459 Hồ Kim Anh	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
13	483 Võ Văn Rong	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										
14	484 Nguyễn Thị Giải (TS trên đất Võ Văn Rong)	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0										



Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thường do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề								
15	488 Đinh Văn Su	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
16	489 Đặng Văn Tâm	Ấp Phước Kiềm, xã Nhơn Trạch (Hiệp Phước cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
17	490 Nguyễn Văn Sáng	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
18	493 Phạm Minh Mạnh - Nguyễn Thị Tốt	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
19	494 Nguyễn Văn Hào	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
20	495 Võ Văn Chuẩn (ché) - Chưa xác ế định người thừa kế	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
21	496 Huỳnh Thanh Hải	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
22	498 Trần Tân Lộc (ché) - Phạm Thị Kim Đào	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
23	519 Đặng Thị Vân	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phù Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	5,6											20.000.000	20.000.000
24	520 Nguyễn Thị Diễm Trinh	Khu nhà ở Hoàn Hảo, Thanh Đức, Long Hồ, Vĩnh Long	0	57											16.000.000	16.000.000
25	541 Nguyễn Thị Hải	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch	0	12,5											8.000.000	8.000.000
26	542 Lê Phước Thành (TSTD Nguyễn Thị Hải 08/90)	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	0												
27	543 Lê Phước Thành	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	5,3											16.000.000	16.000.000
28	544 Lê Thanh Phong	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	0												
29	546 Nguyễn Văn Tuyền	Tổ 6, ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	0												
Tổng cộng			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	72.000.000	72.000.000

Bảng chữ Bày mười hai triệu đồng

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)					Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường đi đời	Tổng cộng				
			DT Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp											DT đất chưa sử dụng			
				Tổng ở	Tổng ở	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa									Đất rừng sản xuất	Đất trồng lúa	
16	báo thụ lý vụ án số 16/TB-TLVA ngày 09/01/2020 của TAND huyện Nhơn Trạch	(Lâm Thị Lệ)																
16	530 Lê Bá Lợi	Ấp Vũng Gấm, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai					5,8	4.898.000						4.898.000				
17	531 Nguyễn Văn Tuyên	Thôn Ngõ Xá, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh					789,6	224.844.000		132.000				224.976.000				
18	532 Nguyễn Đình Thi	367/18E Đinh Bộ Lĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM (Địa chỉ theo GCNQSDĐ: 110 Trần Thánh Tông, P. 15, Q. Tân Bình, Tp. HCM)					187,4	155.912.000						155.912.000				
19	537 Trần Văn Tinh	Ấp Vũng Gấm, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	441	441	441	441	4.576,9	1.689.836.000		50.189.000	8.640.000	20.000.000		1.768.665.000				
Tổng			3.089,2	0	0	3.089,2	1.644,9	1.003,3	441	0	0	0	5.392.000	72.340.000	18.720.000	20.000.000	12.878.984.000	12.878.984.000
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5% Trong đó: - Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TPTQĐ (3,5%) (85%) - Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TPTQĐ (3,5%) (15%) Tổng cộng (1+2):																		

Bảng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng

Nhơn Trạch, ngày tháng năm

KIỂM TRA

TỔ BỒI THƯỜNG

LẬP BẢNG

Nguyễn Thanh Hòa

Lưu Văn Toàn

Nguyễn Văn Hải

Dương Hồng Phi Quốc

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN OUY ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 6

BẢNG TỌNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án: Đường dây 220 KV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm Biến áp 500 KV Long Thành
Địa chỉ: xã Nhơn Trạch, xã Đại Phước và xã Phước An

(kèm theo Phương án số/P4-TPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)						DT đất chưa sử dụng	Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thưởng đi đời	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng lúa								
			Tổng số	Tổng ở	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng								
1	029	Tiết Thục Trần	1B Ngõ Văn Năm, P. Bến Nghé, Q. 01, Tp. HCM							1.101,4	733.761.000					733.761.000
2	055	Thân Quốc Duy	Tổ 3 ấp Nhứt Trí, xã Phước An (Vinh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	314,8		314,8				957,6	948.796.000				20.000.000	968.796.000
3	064	Nguyễn Minh Khương	Ấp Bà Trờng, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							731,7	516.288.000		288.000			516.576.000
4	276	Huỳnh Thanh Lâm	42 đường 13, Tổ 92, ấp 2, xã Bình Hưng, H Bình Chánh, TPHCM							1.512,5	1.602.552.000					1.602.552.000
5	397	Nguyễn Thị Thu Sương	1/4 chung cư quân sự, P9, Q11, TPHCM							2.182,8	648.238.000		705.000			648.943.000
6	444	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định							671,8						0
7	446	UBND xã Phước An	UBND xã Phước An							12.230,6						0
8	447	Võ Văn Dầy	ấp Quới Thạnh, xã Phước An	437,5		437,5				651,1	442.364.000		5.523.000		16.000.000	463.887.000
9	455	Nguyễn Thu Cúc nhân Lê Thị Lan Anh	Khoái Cửa Bắc, Chi Lăng, Tp Lạng Sơn	441		441				2.368	1.083.662.000		4.342.000		20.000.000	1.108.004.000
10	501	Nguyễn Văn Hoàng	Ấp Quới Thạnh, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							353,4	90.884.000		2.833.000			93.717.000
11	502	Trần Minh Thiện	238 khu TT NHCT, Kp. 01, P. Tân Hiệp, tỉnh Đồng Nai	441		441				1.251	754.077.000		2.954.000		20.000.000	777.031.000
12	504	Thái Văn Ngọc	Ấp Quới Thạnh, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							445,8	414.311.000		4.442.000			418.753.000
13	507	Phạm Thị Bền	931 Huỳnh Tấn Phát, Kp. 02, P. Phú Nhuận, Q. 07, Tp. HCM							1.226,3	351.752.000		1.538.000			353.290.000
14	514	Trần Ngọc Anh (Tranh chấp với ông Nguyễn Quốc Chiến)	Ấp Vầng Gấm, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	688,5		688,5				2.952,7	2.098.376.000		482.000	10.080.000	20.000.000	2.128.938.000
15	515	Phan Thị Ôn (ché) - Tranh chấp theo Thông	824 đường Hưng Phú, P. 10, Q. 08, Tp. HCM	325,4		325,4				2.134,1	885.981.000		950.000		20.000.000	910.285.000

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Đường dây 220 KV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm Biến áp 500 KV Long Thành
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTOD ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ
1	096	Trương Thị Nhỏ	ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (xã Phú Hội cũ), NT, ĐN	53/155 53/156		X		
2	132	Nguyễn Văn Sự - Nguyễn Thị Hoa	Chưa xác định	46/311		X		
3	156	Lê Viết Chí	Thôn Giao Thành, xã Thiệu Giao, H Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	33/740		X		
4	178	Nguyễn Hồng Ren	Khu phố Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch (TT Hiệp Phước cũ), tỉnh Đồng Nai	42/427		X		
5	201	Chưa xác định chủ sử dụng (21/118)	Chưa xác định	21/118		X		
6	205	Lê Kim Sa	ấp Phú Mỹ 1, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	33/01		X		
7	213	Trần Hoàng Anh Kiệt - Võ Thị Kim Ngân	ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ), tỉnh Đồng Nai	21/251		X		
8	217	Nguyễn Hữu Nghị	ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	38/68		X		
9	362	Lê Thanh Tùng	ấp Phú Mỹ II, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8/167		X		
10	411	Nguyễn Thị Kim Hương	ấp Phú Mỹ II, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8/369		X	Thông báo kết luận số 01/TB-HĐBT ngày 30/10/2025	
11	414	Võ Thị Thu Lan	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	6/225		X		
12	459	Hồ Kim Anh	ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	38/238		X		
13	483	Võ Văn Rong	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	6/1216/238		X		
14	484	Nguyễn Thị Gái (TS trên đất Võ Văn Rong)	ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai			X		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ
15	488	Đinh Văn Su	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8/142 (03/355 cũ)8/144		X		
16	489	Đặng Văn Tâm	Ấp Phước Kiêng, xã Nhơn Trạch (Hiệp Phước cũ), tỉnh Đồng Nai	21/163		X		
17	490	Nguyễn Văn Sáng	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8/99		X		
18	493	Phạm Minh Mạnh - Nguyễn Thị Tốt	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	33/264		X		
19	494	Nguyễn Văn Hào	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8/98		X		
20	495	Võ Văn Chuẩn (chết) - Chưa xác định người thừa kế	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	8/1018/1028/1038/1048/105		X		
21	496	Huỳnh Thanh Hải	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	6/144		X		
22	498	Trần Tấn Lộc (chết) - Phạm Thị Kim Đào	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	33/26633/26733/268		X		
23	519	Đặng Thị Vân	Ấp Đất Mới, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	33/196		X	Thông báo kết luận số 01/TB-HDBT ngày 30/10/2025	
24	520	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Khu nhà ở Hoàn Hào, Thanh Đức, Long Hồ, Vĩnh Long	8/329		X	Thông báo kết luận số 01/TB-HDBT ngày 30/10/2025	
25	541	Nguyễn Thị Hải	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch	08/90 (03/750 cũ)		X	Thông báo kết luận số 01/TB-HDBT ngày 30/10/2025	
26	542	Lê Phước Thành (TSTĐ Nguyễn Thị Hải 08/90)	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	08/90		X		
27	543	Lê Phước Thành	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	08/89		X	Thông báo kết luận số 01/TB-HDBT ngày 30/10/2025	
28	544	Lê Thanh Phong	Ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	08/165		X		
29	546	Nguyễn Văn Tuyền	Tổ 6, ấp Phú Mỹ 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	08/88 (03/757 cũ)		X	Thông báo kết luận số 01/TB-HDBT ngày 30/10/2025	
*	TỔNG CỘNG							
					0	29		